

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HS-PT

Ngày: 08-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Lịch

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hòa

Bà Đỗ Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Ngón Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác: không), sinh ngày: 13/3/1985 tại thị xã M, tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKHKT trước khi bị bắt: Bản H 2, xã L, thị xã M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Lò Thị P, sinh năm: 1962; có vợ là Khoàng Thị N, sinh năm: 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 03/11/2021 cho đến ngày xét xử phúc thẩm (có mặt).

- Bị hại: Ông Lê Văn Q, sinh năm: 1973; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đức M, sinh năm: 1963; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt);

+ Bà Tạ Thị C, sinh năm: 1963; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1982; địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1984; địa chỉ: Bản P, xã X, huyện N, tỉnh Lai Châu (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, (ngày không nhớ chính xác) cuối tháng 9 năm 2021, Nguyễn Văn T đi xe máy đến nhà Điều Văn T1, trú tại: Bản N, phường N, thị xã M, tỉnh Điện Biên để chơi, đến nơi T và T1 ngồi nói chuyện với nhau. Tại đây T1 rủ T đi trộm cắp tài sản quanh bản nhưng T không đồng ý vì sợ, T1 biết T có thuyền đánh cá mượn của anh Phạm Văn Q đang để ở khu bến cảng Cơ khí và biết ở khu lò gạch trên Đồi Cao có kèo sắt nên T1 rủ T đi trộm cắp, lúc này T đồng ý. Sau đó, T chở T1 bằng xe máy sang khu bến cảng Cơ Khí để T1 đi bộ xuống thuyền trước, còn T đi xe máy về nhà mẹ ở Tổ 5, phường N, thị xã M cất xe rồi đi bộ xuống sau. Khi xuống đến thuyền, T nổ máy cho thuyền đi thẳng lên khu Lò Gạch trên Đồi Cao. Khoảng 21 giờ cùng ngày thì đến nơi nhưng do đường từ bờ sông lên Lò Gạch có nhiều cỏ bụi không lên được nên T chèo thuyền ra khu vực để 02 chiếc thuyền lớn đang neo gần đấy thì cả hai phát hiện 01 chiếc đầu nổ đã tháo khỏi thuyền để trên boong thuyền. Thấy vậy, T rủ T1 trộm cắp chiếc đầu nổ trên, ban đầu T1 bảo nặng không lấy được và không biết chỗ bán nhưng T bảo lấy được, bán được nên T1 đã đồng ý tham gia trộm cắp chiếc đầu nổ đó. T chèo thuyền áp sát chiếc thuyền có đầu nổ rồi mỗi người một đầu thuyền dùng dây buộc cố định thuyền của T dọc theo thuyền lớn để đầu máy nổ. T và T1 chèo sang thuyền lớn, T cầm 01 tấm ván gỗ có sẵn trên thuyền lớn kê chéo từ thuyền lớn sang thuyền của T rồi cả hai vùn, kéo đầu máy nổ từ thuyền lớn sang thuyền của T qua tấm ván gỗ. Sau khi trộm cắp được đầu máy nổ, T vút tấm ván gỗ lại thuyền lớn, rồi lái thuyền cùng với T1 sang khu vực đầu cầu bản Xá.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, T gọi điện cho ông Nguyễn Đức M là người thu mua sắt vụn để bán đầu máy nổ, khoảng 30 phút sau ông M lái xe tải ra nhưng xe ô tô không lùi được đến sát thuyền nên T đã gọi điện cho Nguyễn Văn N (anh trai của T) ra để lái xe ô tô hộ ông M, lúc sau N đến và lái xe sát thuyền rồi cả 04 người cùng khiêng đầu máy nổ lên xe ô tô và chở về nhà ông M. Khi về đến nơi vợ chồng ông M mua đầu máy nổ với giá 7.000đ/kg, tính trọng lượng đầu máy nổ (theo trọng lượng ghi trên thân máy) là 195kg, sau khi trừ tiền thuê xe bà Tạ Thị C (vợ ông M) trả tiền và đưa cho T1 900.000 đồng, Sau đó, N đi xe máy về, T1 và T đi bộ xuống bến thuyền Cơ Khí để T chở T1 sang bờ bên kia để đi bộ về nhà, xuống đến nơi thì T1 chia cho T 450.000 đồng. Số tiền này T và T1 đã chi tiêu sinh hoạt cá nhân hết.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên đã quyết định:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Điều Văn T1 và Nguyễn Văn T đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Điều Văn T1 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2021.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2021.

- Trách nhiệm dân sự: Chấp nhận đề nghị của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 17/01/2022, bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, đồng thời không có khiếu nại về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm cũng như các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động xét xử đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Về án phí: Do Đơn kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Do không đồng ý với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên, ngày 17/01/2022, bị cáo đã làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Theo quy định tại Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T được làm trong thời hạn luật định nên hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã M đã nhận định, kết luận về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Điều Văn T1 là đúng người, đúng tội. Bởi lẽ: Lợi dụng sơ hở, đêm tối và sự mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản nên khoảng khoảng 21 giờ, một ngày cuối tháng 9 năm 2021, Nguyễn Văn T và đồng bọn đã đi thuyền từ bến thuyền cơ khí thuộc phường N, thị xã M lên khu vực lò gạch trên Đồi Cao thuộc phường S, thị xã M, tỉnh Điện Biên để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 01 chiếc đầu nổ D24, nhãn hiệu Cao Phong của anh Lê Văn Q, có giá trị 7.000.000 đồng với mục đích bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Thực tế Nguyễn Văn T và Điều Văn T1 đã bán chiếc đầu nổ cho người thu mua sắt vụn (ông M, bà C) với giá 900.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Điều Văn T1 đều phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai. Phần tội danh của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên để thi hành theo quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo và không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, do đó cần giữ nguyên mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận việc xin được giảm nhẹ hình phạt theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Do vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm nên bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không) 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/11/2021.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2022/HS-ST ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/4/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- Công an thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- VKSND thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thị xã M, tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ GDKT I, Tòa án nhân dân Tối cao;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Lò Văn Lịch